

NGHIÊN CỨU NHẬN THỨC VÀ THÁI ĐỘ CỦA CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG ĐẾN PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI TẠI VƯỜN QUỐC GIA CÁT BÀ

Lê Thị Ngân¹, Đồng Thanh Hải², Bùi Thế Đồi²

¹Ban Tuyên giáo Trung ương

²Trường Đại học Lâm nghiệp

TÓM TẮT

Vườn Quốc gia (VQG) Cát Bà thuộc huyện Cát Hải, tỉnh Hải Phòng là địa điểm hấp dẫn thu hút rất nhiều khách du lịch trong nước và quốc tế đến tham quan (DLST). Cộng đồng địa phương đóng một vai trò quan trọng trong việc phát triển DLST tại đây. Mục tiêu của nghiên cứu này là đánh giá thái độ và nhận thức của cộng đồng đến DLST và bảo tồn đa dạng sinh học tại VQG Cát Bà, làm cơ sở khoa học cho việc đề xuất các giải pháp phát triển DLST dựa trên cộng đồng gắn với bảo tồn đa dạng sinh học tại VQG Cát Bà. Phương pháp điều tra xã hội học được sử dụng để thu thập các kết quả liên quan đến nội dung nghiên cứu. Kết quả của nghiên cứu xác định đa số người dân (68,6%) tham gia vào các hoạt động DLST ở đây mới ở mức thụ động. Phần lớn người dân địa phương (98%) đã nhận thức rõ những lợi ích về kinh tế và môi trường mà hoạt động DLST đem lại cho hộ gia đình cũng như địa phương. Đa số người dân (94,3%) có thái độ tích cực đối với phát triển DLST và bảo tồn đa dạng sinh học. Nghiên cứu cũng đã đề xuất các giải pháp thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng địa phương vào DLST, bao gồm hoàn thiện cơ chế chính sách, nâng cao nhận thức cho cộng đồng và xây dựng cơ chế chia sẻ lợi ích giữa các bên tham gia nhằm thu hút sự tham gia chủ động của cộng đồng địa phương vào hoạt động DLST.

Từ khóa: du lịch sinh thái, nhận thức, thái độ, Vườn Quốc gia Cát Bà.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Du lịch sinh thái là loại hình du lịch dựa vào thiên nhiên, gắn với bản sắc văn hoá địa phương, có sự tham gia của cộng đồng dân cư, kết hợp giáo dục về bảo vệ môi trường (Quốc Hội, 2017). Trong những năm gần đây, Việt Nam đang nỗ lực phát triển du lịch sinh thái, đặc biệt trong các Vườn quốc gia và Khu bảo tồn thuộc hệ thống rừng đặc dụng ở Việt Nam vì đây được đánh giá là những khu vực có nhiều tiềm năng, thuận lợi đáp ứng được những yêu cầu đó cho phát triển nhiều loại hình du lịch, đặc biệt là du lịch sinh thái (DLST) (Bộ Nông nghiệp và PTNT, 2007; Bùi Thị Minh Nguyệt, 2012; Nguyễn Minh Nguyệt, 2016; Phạm Trung Lương, 2007).

Các nghiên cứu trước đây đã chỉ ra rằng có mối liên hệ giữa bảo tồn, phát triển và du lịch. Tuy nhiên, ở hầu hết các nước đang phát triển hiện nay nói chung và Việt Nam nói riêng vấn đề bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển du lịch trong các VQG/KBT được quan tâm nhiều hơn là sự tham gia của cộng đồng. Cũng có ý kiến cho rằng việc thành lập các VQG/KBT sẽ ảnh hưởng đến sinh kế của cộng đồng do họ có cuộc sống phụ thuộc và rừng (Black and Cobbinah, 2016; Sekhar, 2003; Southgate, 2006).

Du lịch sinh thái trong các Vườn quốc gia/khu bảo tồn sẽ đem lại các lợi ích: thứ nhất, du lịch sinh thái có thể làm giảm hoặc loại bỏ thói quen sử dụng tài nguyên; thứ hai, khách du lịch có thể mang lại lợi ích cho người dân địa phương như việc làm, thu nhập và thứ ba, khi người dân nhận được lợi ích, họ sẽ hỗ trợ các hoạt động du lịch và bảo tồn. Như vậy, để phát triển du lịch sinh thái bền vững trong các VQG/KBT cần chú trọng đến các vấn đề tham gia của cộng đồng và bảo tồn đa dạng sinh học (Black and Cobbinah, 2016).

Sự tham gia của cộng đồng vào các hoạt động DLST ở các VQG/KBT đã được đề cập trong nhiều tài liệu nghiên cứu trước đây, đặc biệt ở các quốc gia Châu Phi (Black and Cobbinah, 2016). Tác giả cho rằng DLST có tiềm năng tạo ra những lợi ích về kinh tế xã hội cho cộng đồng địa phương và tạo động lực cho cộng đồng địa phương hỗ trợ bảo tồn trong các khu bảo tồn ở Nam Phi. Như vậy, sự tham gia của cộng đồng trong các hoạt động DLST rõ ràng mang lại những tác động tích cực và cần thiết cho công tác bảo tồn đa dạng sinh học.

Một trong câu hỏi đặt ra là làm thế nào để thu hút sự tham gia của cộng đồng địa phương vào các hoạt động du lịch sinh thái một cách hiệu

quả. Các nghiên cứu trước đây đã đưa ra nhiều quan điểm phân chia về các hình thức tham gia của cộng đồng. Cụ thể tác giả Lê Văn An và Ngô Tùng Đức (2016) phân mức độ tham gia của người dân địa phương theo 6 cấp, trong khi tác giả Pretty (1995) phân mức độ tham gia của người dân địa phương theo 7 cấp. Tosun (1999), phân chia mức độ tham gia của người dân địa phương theo 3 cấp. Trong phân tích của nghiên cứu này đề tài sử dụng thang bậc phân chia của Tosun (1999) vì nó dễ sử dụng và phù hợp với thực tiễn nghiên cứu. Có rất nhiều yếu tố thúc đẩy và cản trở sự tham gia của cộng đồng vào các hoạt động DLST như nhóm yếu tố cơ chế chính sách (Nguyễn Bùi Anh Thư và cộng sự, 2019), nhóm yếu tố về nhận thức và thái độ của cộng đồng (Black and Cobbinah, 2016, Chen and Qiu, 2017). Nghiên cứu về nhận thức và thái độ của cộng đồng đối với phát triển DLST và bảo tồn đa dạng sinh học sẽ giúp việc ra các quyết định hiệu quả hơn (Abeli, 2017; Adeleke, 2015).

Là một Vườn Quốc gia (VQG) được thành lập năm 1986, nơi có hệ sinh thái hải đảo quan trọng bậc nhất của Việt Nam, VQG Cát Bà đóng vai trò quan trọng trong công tác bảo tồn ĐDSH, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, ngoài ra nơi đây còn có ý nghĩa to lớn đối với việc bảo vệ môi trường sinh thái cho thành phố Hải Phòng và là nơi có nhiều tiềm năng để phát triển Du lịch sinh thái (Hoàng Văn Cầu, 2018; Phạm Văn Phúc, 2018). Cát Bà còn có mối quan hệ chặt chẽ, tồn tại lâu đời, hài hòa với những giá trị lịch sử cách mạng, văn hóa đã tạo nên cho nơi đây một hình

ảnh đặc sắc riêng hiếm thấy, có giá trị to lớn về du lịch. VQG Cát Bà có chức năng bảo tồn sự đa dạng sinh học nên việc đầu tư cho phát triển du lịch chưa được quan tâm đúng mực, chưa phát huy được vai trò của DLST dựa trên cộng đồng gắn và với bảo tồn thiên nhiên (Phạm Văn Phúc, 2018). Mục tiêu của nghiên cứu này nhằm nghiên cứu nhận thức và thái độ của cộng đồng địa phương đến việc phát triển DLST tại VQG Cát Bà, làm cơ sở khoa học cho việc đề xuất các giải pháp phát triển DLST dựa trên cộng đồng gắn với bảo tồn đa dạng sinh học.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp điều tra xã hội học

Đề tài tiến hành phỏng vấn tổng số 55 phiếu, trong đó phỏng vấn người dân là 35 phiếu và phỏng vấn cán bộ quản lý là 20 phiếu. Đối tượng phỏng vấn được lựa chọn ngẫu nhiên sao cho kết quả thu được khách quan nhất, những người được phỏng vấn phải là đối tượng đủ độ tuổi lao động, sức khỏe bình thường, không có vấn đề về nhận thức, giao tiếp. Mục đích của phương pháp phỏng vấn là nghiên cứu nhận thức và thái độ của cộng đồng địa phương đối với việc phát triển du lịch sinh thái tại VQG Cát Bà. Phiếu phỏng vấn được thiết kế dưới dạng câu hỏi bán định hướng và câu hỏi mở. Câu hỏi ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu, các câu hỏi có tính liên kết, nội dung hỏi được xây dựng phù hợp với đối tượng phỏng vấn. Nghiên cứu sử dụng thang đo 3 cấp của Tosun (1999) để đánh giá mức độ tham gia của người dân vào các hoạt động DLST tại VQG. Các cấp độ cụ thể như bảng 1.

Bảng 1. Các hình thức tham gia của cộng đồng

Hình thức tham gia	Giải thích
Sự tham gia chủ động	Tiếp cận từ dưới lên. Người dân chủ động tham gia vào quá trình phân tích, lập kế hoạch và lựa chọn các phương án, hoạt động phát triển du lịch sinh thái.
Sự tham gia thụ động	Tiếp cận từ trên xuống. Làm theo sự chỉ bảo, không đưa ra bất kỳ ý kiến nào. Người dân có thể tham gia thực hiện và chia sẻ lợi ích của du lịch nhưng không phải trong quá trình ra quyết định
Sự tham gia áp đặt	Tiếp cận từ trên xuống. Người dân tham gia một cách thụ động, bắt buộc và phần lớn là không trực tiếp. Việc tham gia mang tính hình thức.

Nguồn: Tosun (1999)

2.2. Phương pháp SWOT

Phân tích SWOT được sử dụng để đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức đối với việc tham gia của cộng đồng địa phương vào hoạt động du lịch sinh thái tại VQG Cát Bà.

2.3. Phương pháp xử lý số liệu

Số liệu thu thập được từ các phiếu phỏng vấn được hiệu chỉnh, mã hóa dữ liệu và loại bỏ

các phiếu không đạt yêu cầu. Phần mềm SPSS 19.0 được sử dụng để phân tích và xử lý số liệu nhằm đánh giá sự tham gia, nhận thức và thái độ của cộng đồng trong phát triển DLST tại VQG Cát Bà.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Đặc điểm xã hội học của người dân được phỏng vấn

Bảng 2. Hồ sơ xã hội học của người dân trả lời phỏng vấn

Đặc điểm	Số người	Tỷ lệ %
Giới tính (n=35)		
Nam giới	21	60,0
Nữ giới	14	40,0
Tuổi (n=35)		
15 – 25	4	12,0
25 – 35	13	37,0
35 – 45	4	11,0
45 - 55	11	31,0
55 - 65	2	6,0
>65	1	3,0
Dân tộc (n=35)		
Kinh	35	100
Khác	0	0
Nghề nghiệp (n=35)		
Hoạt động du lịch	22	63,0
Nông nghiệp	3	8,5
Nhà nước	4	11,5
Nội trợ	3	8,5
Khác	3	8,5
Trình độ học vấn (n=35)		
Dưới phổ thông	4	11,5
12/12	24	68,5
Cao đẳng, đại học	7	20,0
Quy mô gia đình (n=35)		
1 người	1	3,2
2 – 3 người	15	42,6
4 – 5 người	19	54,2

Phân tích đặc điểm xã hội học của những người được phỏng vấn được trình bày trong Bảng 2 với 35 người dân được khảo sát. Về giới tính, nam giới chiếm tỷ lệ nhiều hơn 21/25 người, chiếm 60%, nữ giới chiếm tỷ lệ ít hơn 14/35 người chiếm 40% tổng số người được hỏi. Đa số người được hỏi đều nằm trong độ tuổi lao

động 34/35 người chiếm 97%, trong đó có 60% là lao động trẻ dưới 45 tuổi. Về tôn giáo 100% người được phỏng vấn đều là dân tộc kinh. Về trình độ học vấn, 100% số người được hỏi đều biết chữ, 11,5% người có trình độ dưới phổ thông, 58,5% người đã đạt 12/12, chỉ có 20% người có trình độ cao đẳng, đại học. Quy mô hộ

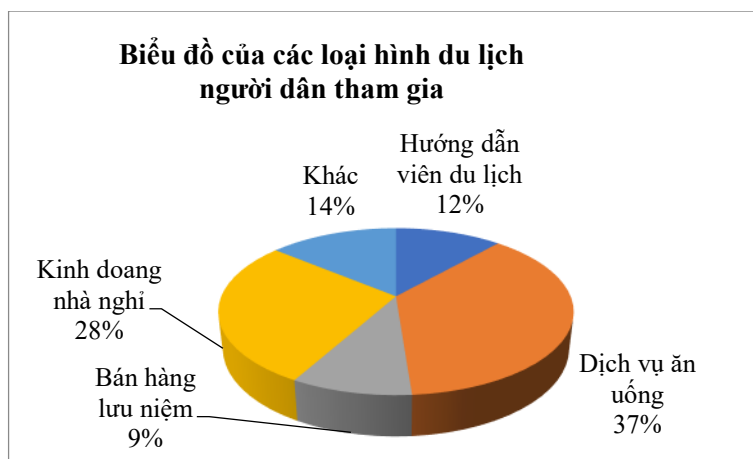
gia đình hơn một nửa chiếm 54,2% có từ 4 – 5 người sống cùng nhau, 42% quy mô 2 – 3 người, chỉ có 3,2% với 1 hộ là sống 1 mình. Đa số người được hỏi (63%) đang làm việc trong các lĩnh vực kinh doanh du lịch, các ngành khác như nông nghiệp, ở nhà nội trợ hay một số công việc khác chiếm tỷ lệ thấp ngang nhau chỉ 8,5%, có 11,5% số người đang làm việc nhà nước tại các cơ quan của thôn, xã hoặc các trường học.

3.2. Thực trạng tham gia của người dân vào hoạt động du lịch sinh thái

Kết quả đánh giá sự tham gia của cộng đồng vào hoạt động du lịch sinh thái dựa trên thang đo 3 cấp của Tosun (1999) cho thấy đa số người dân (68,6%) ở đây tham gia vào các hoạt động

DLST ở hình thức thụ động, tiếp đến là tham gia áp đặt (25,7%), và cuối cùng là tham gia chủ động (5,7%). Kết quả này có thể giải thích rằng người dân vẫn chưa có sự chủ động khi tham gia vào các hoạt động du lịch sinh thái trong VQG, người dân chưa tự đưa ra sáng kiến và chủ động liên hệ tìm kiếm sự giúp đỡ bên ngoài, giữ quyền kiểm soát, quyết định, tự đầu tư và mở rộng hoạt động kinh doanh du lịch. Người dân mới chỉ tham gia vào quá trình thực hiện và chia sẻ lợi ích từ các hoạt động DLST mà chưa tham ra vào quá trình ra quyết định.

Các loại hình kinh doanh du lịch hiện nay đang được cộng đồng người dân địa phương tham gia tại VQG Cát Bà được tổng hợp trên hình 1.

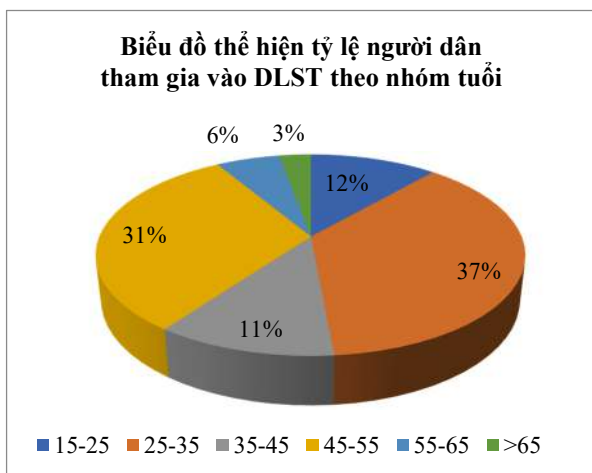


Hình 1. Biểu đồ thể hiện cơ cấu các loại hình du lịch người dân tham gia

Qua biểu đồ hình 1 có thể thấy tại VQG Cát Bà hiện nay có 4 loại hình kinh doanh du lịch chính được người dân tham gia tích cực là loại hình kinh doanh dịch vụ ăn uống, bán hàng lưu niệm, kinh doanh nhà nghỉ, hướng dẫn viên du lịch. Tuy nhiên, số lượng người dân tham gia vào mỗi loại hình lại có sự khác nhau lớn về số lượng người dân. Ngành kinh doanh ăn uống đang là loại hình được tham gia nhiều nhất với 37% do đây là một nhu cầu thiết yếu trong du lịch, Cát Bà cũng là nơi có nhiều thuận lợi trong ẩm thực với nhiều loại hải sản ngon, đặc sản. Vị trí thứ 2 là loại hình kinh doanh nhà nghỉ với 28%. Loại hình bán hàng lưu niệm và hướng dẫn viên du lịch là 2 ngành có tỷ trọng thấp nhất lần lượt là 9% và 12%. VQG Cát Bà còn có

nhiều loại hình kinh doanh du lịch hiệu quả khác, tuy nhiên sự tham gia của người dân vào những lĩnh vực này là còn ít, nhỏ lẻ, các loại hình này chiếm 14% trong các loại hình du lịch sinh thái đang vận hành tại VQG Cát Bà. Lý do người dân nơi đây chỉ mới tham gia vào 4 loại hình kinh doanh DLST là sự nổi nghiệp kinh doanh du lịch từ trước, điều kiện tại khu vực phù hợp với nghề này, điều kiện vốn kinh doanh phù hợp, có chuyên môn trong loại hình này, và do sở thích của người đứng đầu.

Cơ cấu độ tuổi và giới tính tham gia vào du lịch sinh thái cũng là vấn đề đáng quan tâm trong nghiên cứu sự tham gia của cộng đồng trong phát triển du lịch sinh thái. Kết quả nghiên cứu được trình bày tại biểu đồ trên hình 2 và 3.



Hình 2. Biểu đồ tỷ lệ người dân tham gia vào du lịch theo nhóm tuổi



Hình 3. Biểu đồ tỷ lệ người dân tham gia vào du lịch theo giới tính

Qua số liệu từ biểu đồ hình 2 và hình 3 cho ta thấy cơ cấu tuổi tham gia vào du lịch của cộng đồng địa phương có sự khác biệt lớn không chỉ về nhóm tuổi mà còn cả về giới tính. Độ tuổi tham gia nhiều nhất vào hoạt động du lịch là 25-35 tuổi, chiếm 37% tổng số người tham gia, tiếp theo là độ tuổi từ 45-55 tuổi, với 11 người tham gia, chiếm 31% tổng số người tham gia. Đối với nhóm tuổi khác tỷ trọng tham gia không đáng kể. Qua số liệu cho thấy, các nhóm tuổi chiếm tỷ lệ lớn trong các hoạt động kinh doanh DLST đều là nhóm trong độ tuổi lao động bao gồm nhóm trẻ năng động và nhóm những người đã có thâm niên và nhiều kinh nghiệm. Xét về giới tính kết quả cho thấy nam giới vẫn đang có sự vượt trội hơn so với nữ giới về số lượng (60% so với 40%, hình 3) người tham gia vào hoạt động du lịch và làm chủ hoạt động kinh doanh. Lý do ở đây là do văn hóa và tâm lý của các gia đình là người nam giới có sức khỏe và đảm

nhiệm các công việc chính của gia đình.

3.3. Nhận thức và thái độ của người dân đối với phát triển DLST

3.3.1. Nhận thức của cộng đồng về những lợi ích của DLST

Nhận thức của cộng đồng về các hoạt động DLST là một nhân tố quan trọng thúc đẩy phát triển DLST cũng như bảo vệ đa dạng sinh học tại VQG Cát Bà. Kết quả phỏng vấn về quan điểm của người dân đối với những lợi ích mà DLST đem lại cho hộ gia đình cũng như cộng đồng dân cư, đại đa số câu trả lời (khoảng 98%) cho rằng DLST đã mang lại 5 lợi ích quan trọng bao gồm có việc làm, tăng thu nhập, cơ hội được tiếp xúc, mở rộng hiểu biết cũng như các vấn đề cải thiện đường giao thông/cung cấp điện/công trình công cộng (Bảng 3). Kết quả đánh giá nhận thức của cộng đồng về các lợi ích mang lại từ DLST được trình bày trên bảng (Bảng 3).

Bảng 3. Nhận thức của cộng đồng về các lợi ích của DLST

TT	Lợi ích	Số câu trả lời	Tỷ lệ (%)
1	Không được gì	2	2,02
2	Có việc làm/tăng thu nhập	32	32,32
3	Tiếp xúc với nhiều người	19	19,19
4	Mở rộng hiểu biết	24	24,24
5	Cải thiện đường giao thông/cung cấp điện/công trình công cộng	19	19,19
6	Lợi ích khác	3	3,03
Tổng		99	100

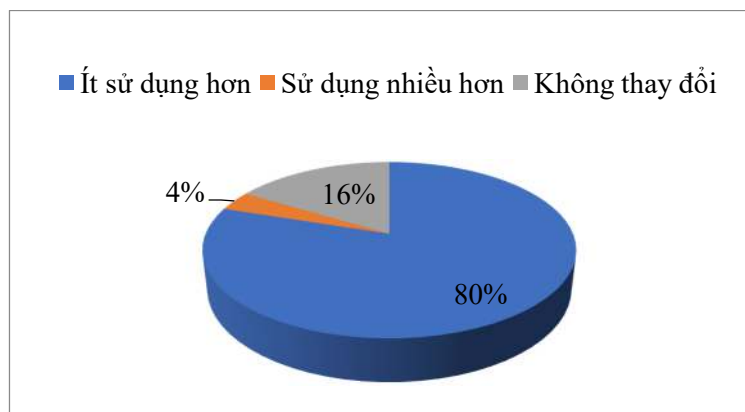
Kết quả từ bảng 3 cho thấy có 32 ý kiến, chiếm tổng số 32,32% số câu trả lời của người dân, đã nhận thức rõ việc tham gia vào các hoạt động DLST đã đem lại cho họ việc làm/tăng thu nhập. Tiếp đến, các ý kiến được hỏi (24,24%) cho rằng việc tham gia vào các hoạt động DLST sẽ là cơ hội mở rộng sự hiểu biết của họ đối với văn hóa, kiến thức của khách du lịch trong và ngoài nước. Vấn đề cải thiện đường giao thông, cung cấp điện, công trình công cộng cũng như cơ hội được tiếp xúc với nhiều người là những lợi ích mà DLST mang lại cho người dân khi tham gia (tổng số có 19 ý kiến đồng ý, chiếm 19,19% tổng số các ý kiến). Các lợi ích khác chỉ có 3 ý kiến, chiếm 3,03% số câu trả lời. Cụ thể là việc tham gia vào hoạt động DLST sẽ giúp tạo thị trường tiêu thụ nông – thủy sản, bảo tồn được văn hóa phong tục của cộng đồng, bảo vệ được môi trường và đa dạng sinh học. Một lưu ý là có 2 ý kiến (chiếm 2,02%) cho rằng họ sẽ không được hưởng lợi ích gì khi tham gia vào các hoạt động DLST. Đây cũng chính là những người không có liên hệ gì vào các hoạt động DLST tại khu vực nghiên cứu. Như vậy, kết quả điều tra cho thấy nhận thức của người dân về những lợi ích của DLST mang lại khi họ tham gia là rất rõ ràng. Chính quyền địa phương cũng như VQG Cát Bà cần có nhiều chương trình tuyên truyền nâng cao nhận thức để người dân tham gia nhiều và hiệu quả hơn vào các hoạt động DLST của VQG, từ đó đáp ứng được mục tiêu phát triển kinh tế địa phương và bảo tồn đa dạng sinh học.

3.3.2. Thái độ của cộng đồng về DLST tại VQG Cát Bà

Thái độ của cộng đồng đối với phát triển du

lich sinh thái đóng vai trò quan trọng trong việc đưa ra các quyết định phù hợp giữa phát triển DLST và bảo tồn đa dạng sinh học. Kết quả nghiên cứu cho thấy đại đa số (94,3%) số người được hỏi ủng hộ hoạt động DLST trong VQG bằng việc mong muốn có thêm nhiều khách du lịch đến tham quan, trong khi chỉ có 5,7% người được hỏi không quan tâm đến điều này. Đặc biệt không ai phản đối việc có thêm nhiều du khách đến tham quan tại VQG Cát Bà. Họ cho rằng các chính sách hiện tại của địa phương và Ban quản lý VQG liên quan đến phát triển DLST là hợp lý. Thông qua việc khuyến khích nhiều khách đến tham quan du lịch, bảo tồn đa dạng sinh học, giáo dục môi trường sẽ giúp giảm thiểu sự phụ thuộc của người dân vào tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học. Như vậy, người dân hiểu rõ tầm quan trọng của VQG trong việc hỗ trợ sinh kế cộng đồng thông qua hoạt động DLST.

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy có sự thay đổi phương thức sử dụng tài nguyên thiên nhiên của người dân sau khi tham gia vào DLST (hình 4). Cụ thể, đại đa số (80%) người dân được hỏi cho rằng đã sử dụng ít tài nguyên thiên nhiên hơn sau khi tham gia vào các hoạt động DLST tại VQG. Con số này là 100% cán bộ làm công tác quản lý. Tiếp đến, khoảng 16% người được hỏi cho rằng họ không thay đổi thói quen sử dụng tài nguyên so với trước và sau khi tham gia hoạt động DLST tại VQG. Đặc biệt có khoản 4% ý kiến cho rằng đã sử dụng nhiều tài nguyên thiên nhiên hơn sau khi tham gia vào các hoạt động này. Như vậy, qua số liệu nghiên cứu cho thấy đa số người dân khi tham gia vào các hoạt động DLST có thái độ tích cực đối với công tác bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học.



Hình 4. Biểu đồ sự thay đổi mức độ sử dụng tài nguyên thiên nhiên của người dân sau khi tham gia vào hoạt động DLST tại VQG Cát Bà

Có thể nhận định rằng, cộng đồng người dân nơi đây sau khi tham gia vào các hoạt động DLST tuy có vẫn còn sử dụng một số tài nguyên thiên nhiên, nhưng những người dân này đã dần nhận thực được vai trò và thái độ của mình trong việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và bảo tồn đa dạng sinh học, cũng như bảo tồn các nguồn tài nguyên du lịch của chính họ, bằng việc họ đã dần ít sử dụng hơn các nguồn tài nguyên đó. Vì vậy, các cơ quan chức năng, cán bộ quản lý cần sớm tìm ra nhiều giải pháp phù hợp, giúp người dân ổn định và phát triển kinh tế một cách bền

vững, nhằm hạn chế hoặc sẽ không còn người dân sống phụ thuộc vào các nguồn tài nguyên thiên nhiên như trước nữa, giảm bớt được áp lực trong công tác bảo tồn đa dạng sinh học tại VQG Cát Bà.

Cũng trong nghiên cứu này để tìm hiểu quan điểm của cộng đồng đối với DLST và đa dạng sinh học tại VQG Cát Bà, nghiên cứu tiến hành đánh giá sự ảnh hưởng của các hoạt động DLST đến đời sống xã hội và đa dạng sinh học tại VQG. Kết quả đánh giá được trình bày trên bảng 4.

Bảng 4. Quan điểm của cộng đồng về sự ảnh hưởng của DLST tại VQG Cát Bà

Đơn vị tính %

Yếu tố	Ảnh hưởng					Không biết	Tổng
	Rất xấu	Xấu	Không ảnh hưởng	Tốt	Rất tốt		
Việc làm/ thu nhập	0,0	0,0	8,6	40,0	51,4	0,0	100
Mua bán hàng hoá, giá cả	0,0	0,0	14,3	34,3	51,4	0,0	100
Giao thông, đi lại	0,0	0,0	25,7	51,4	22,9	0,0	100
Cung cấp điện	0,0	0,0	22,9	57,1	20,0	0,0	100
Nước sinh hoạt	0,0	0,0	25,7	65,7	8,6	0,0	100
An ninh/Tệ nạn xã hội	0,0	14,3	42,9	34,3	5,7	2,9	100
Dịch vụ y tế	0,0	0,0	28,6	62,9	8,6	0,0	100
Lối sống/Phong tục tập quán	0,0	0,0	54,3	34,3	11,4	0,0	100
Thắng cảnh/tài nguyên du lịch	0,0	34,3	54,3	11,4	0,0	0,0	100
Nước suối, ao, hồ	0,0	37,1	60,0	2,9	0,0	0,0	100
Rác	28,6	65,7	5,7	0,0	0,0	0,0	100
Khai thác rừng (đi rừng, săn bắn)	0,0	45,7	40,0	0,0	0,0	14,3	100
Phá hoại và gây ô nhiễm	0,0	0,0	40,0	0,0	0,0	60,0	100

Số liệu trên bảng trên cho thấy thái độ của người dân về sự tác động của DLST đến đời sống kinh tế xã hội là rất tích cực. Đa số người dân được hỏi (51,4%) đánh giá các hoạt động DLST có tác động rất tốt đến việc tăng cơ hội việc làm, thu nhập và giao thương hàng hóa tại địa phương. Ngoài ra, người dân cũng đánh giá tốt tác động của DLST đến các khía cạnh nước sinh hoạt (65,7%), giao thông đi lại (51,4%), nước sinh hoạt (65,7%), dịch vụ y tế (62,9%)... Tuy nhiên, ở một số khía cạnh bao gồm rác thải, săn bắt, thu hái lâm sản ngoài gỗ, chất lượng nước ở ao, hồ, hoạt động DLST có tác động xấu theo đánh giá của người dân. Khoảng 65,7% người được hỏi cho rằng rác thải là vấn đề của

DLST. Ngoài ra, hoạt động DLST cũng ảnh hưởng xấu đến chất lượng nước ao, hồ (37,1%). Hoạt động DLST cũng làm tăng nhu cầu khai thác lâm sản ngoài gỗ, săn bắt động vật hoang dã (45,7%).

Như vậy, theo quan điểm của cộng đồng địa phương về những tác động của DLST đến đời sống xã hội, đa dạng sinh học và môi trường là rất rõ. Đa số người dân có thái độ tích cực với sự phát triển của DLST và là cơ sở để bảo tồn đa dạng sinh học và bảo vệ môi trường. Vấn đề đặt ra cho các nhà quản lý là làm sao phải vừa đảm bảo mục tiêu phát triển DLST để cải thiện chất lượng cuộc sống cho cộng đồng vừa đảm bảo bảo tồn đa dạng sinh học và bảo vệ môi

trường tại VQG Cát Bà.

3.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự tham gia của cộng đồng địa phương vào phát triển DLST

Kết quả nghiên cứu về cho thấy có 4 nhân tố chính tác động đến sự tham gia của cộng đồng vào hoạt động DLST: (1) Nhận thức của người dân, (2) Cơ chế chính sách, (3) Đặc điểm hộ gia đình, (4) Lợi ích kinh tế.

Bảng 5. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự tham gia của cộng đồng vào hoạt động DLST

Nhân tố	Tiêu chí	Đồng tình	Không đồng tình
Nhận thức của người dân	Giá trị tài nguyên du lịch của địa phương phong phú	35	0
	Việc khai thác tài nguyên đảm bảo tính bền vững	30	5
	Tài nguyên thiên nhiên độc đáo	31	4
Cơ chế chính sách	Chính sách phát triển du lịch phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương	25	10
	Cơ sở vật chất, hạ tầng của địa phương phù hợp	20	15
	Cơ chế quản lý, thủ tục hành chính tốt	29	6
	Công bằng minh bạch trong việc chia sẻ lợi ích	25	10
	Đối thoại gắn kết giữa các bên liên quan	19	16
	Cơ chế giải quyết khi có xung đột lợi ích xảy ra	30	5
Đặc điểm hộ gia đình	Vốn tự nhiên	30	5
	Vốn ngoài xã hội	10	25
	Nguồn nhân lực của hộ đầy đủ	15	20
	Tài chính đáp ứng đủ	12	23
	Cơ sở vật chất, trang thiết bị của hộ đảm bảo	20	15
Lợi ích kinh tế	Du lịch là một sinh kế bền vững của hộ gia đình	20	15
	Cơ hội việc làm đến từ du lịch	30	5
	Cơ hội thu nhập từ hoạt động du lịch ở địa phương	34	1
	Du lịch thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương	35	0

Đối với nhận thức của người dân: Hầu hết cộng đồng người dân địa phương đều nhận thức tốt về tiềm năng du lịch địa phương mình. Toàn bộ người được phỏng vấn đều đồng ý rằng VQG Cát Bà có giá trị du lịch phong phú. Tổng số có 31/35 người cho rằng địa phương có tài nguyên thiên nhiên độc đáo, đa dạng và 30/35 người đồng ý rằng việc khai thác du lịch đang đảm bảo tính bền vững.

Đối với cơ chế chính sách: Đây là nhân tố rất được người dân quan tâm trong việc định hướng phát triển du lịch. Qua thu thập ý kiến người dân nhận thấy rằng trong cơ chế chính sách tại địa phương đã có nhiều mặt tốt cũng có nhiều mặt cần được cải thiện, cụ thể: Chính sách phát triển du lịch, cơ chế quản lý, thủ tục hành chính, việc chia sẻ lợi ích và cơ chế giải quyết khi có xung đột lợi ích đều là những nhân tố được đánh giá đồng tình cao. Nhưng về cơ sở hạ tầng, vật chất của địa phương và việc đối thoại

gắn kết giữa các bên mới chỉ dừng lại ở mức trung bình.

Đối với đặc điểm hộ gia đình: Nhìn chung để tham gia vào hoạt động kinh doanh du lịch các hộ dân đều đã có sự chuẩn bị chủ động về nguồn vốn tự nhiên, một số ít hơn có nhu cầu mở rộng đầu tư kinh doanh sẽ cần đến nguồn vốn xã hội hỗ trợ. Khi được phỏng vấn về nguồn nhân lực và tài chính của gia đình có đủ hay không thì đa số người được phỏng vấn đều cho rằng họ đang rất thiếu nguồn nhân lực và tài chính cho việc phát triển. Các cơ sở vật chất của các hộ kinh doanh đều đáp ứng được từ mức khá trở lên.

Đối với lợi ích kinh tế: Phần lớn người được phỏng vấn đều cho rằng du lịch đã thay đổi rất nhiều phương thức sinh kế của người dân địa phương. Từ việc còn phụ thuộc vào nông nghiệp hay phụ thuộc vào rừng bây giờ du lịch đã dần trở thành ngành kinh tế chính và duy nhất của

địa phương. Đã có những mô hình kết hợp giữa nông nghiệp vào du lịch rất hiệu quả. Tuy nhiên việc kinh doanh du lịch ở VQG Cát Bà rất phụ thuộc vào mùa trong năm, mùa đông thường lượng khách suy giảm khá nhiều, do vậy vấn đề bền vững trong thu nhập của người dân còn hạn chế.

Qua phân tích và tổng hợp các phiếu phỏng vấn (55 phiếu) của người dân địa phương và cán bộ quản lý, các chuyên gia có thể khái quát được những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức trong sự tham gia vào DLST của cộng đồng địa phương như trong bảng 6.

Bảng 6. Điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức phát triển DLST

Điểm mạnh (S)	Điểm yếu (W)
<ul style="list-style-type: none"> - Nhân lực dồi dào, nguồn lực sẵn có, tại chỗ - Người dân đều là người có kinh nghiệm trong các hoạt động sản xuất truyền thống của địa phương. - Con người cần cù, chịu khó, có khả năng tiếp thu cao trong các lĩnh vực mới - Có tiềm năng về du lịch văn hóa. Đời sống văn hóa truyền thống, lễ hội mang nhiều bản sắc độc đáo, mang đặc trưng của các dân cư miền biển với nghề nuôi trồng và đánh bắt hải sản; Có nhiều các di tích văn hóa, lịch sử và khảo cổ trong VQG và trên quần đảo Cát Bà. - Trật tự an toàn, an ninh tốt. Người dân thân thiện, cởi mở. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình độ văn hóa, dân trí còn thấp - Cơ chế, chính sách cho phát triển DLST chưa đầy đủ; Thiếu cơ chế, chính sách nhằm thu hút đầu tư phát triển DLST tại VQG Cát Bà. - Các dịch vụ có liên quan tới DLST tại khu vực VQG Cát Bà còn chưa phát triển, chưa đáp ứng được nhu cầu của du khách. - Cơ sở hạ tầng còn yếu kém cũng ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động DLST. Hệ thống cơ sở lưu trú còn hạn chế rất nhiều về cả quy mô, tiện nghi; sản phẩm DLST còn mang tính chất nhỏ lẻ, chưa đồng bộ, vận hành còn chưa chuyên nghiệp. - Thiếu sự tham gia của cộng đồng trong phát triển DLST; người dân chưa được đào tạo, tập huấn kiến thức, kỹ năng tham gia hoạt động DLST.
Cơ hội (O)	Thách thức (T)
<ul style="list-style-type: none"> - Cơ chế chính sách khuyến khích, ủng hộ - Tài nguyên thiên nhiên ủng hộ - Người dân có cơ hội được liên kết với các doanh nghiệp trong và ngoài nước trong các hoạt động phát triển DLST. - Người dân có cơ hội được học hỏi kiến thức và kỹ năng tham gia DLST, cơ hội được tiếp xúc và giao lưu giữa nhiên nền văn hóa khác nhau. 	<ul style="list-style-type: none"> - Biến đổi khí hậu: Biến đổi khí hậu, triều cường, mực nước biển dâng, những dị thường của khí hậu sẽ tác động trực tiếp lên cảnh quan thiên nhiên, động, thực vật, gây khó khăn tới hoạt động du lịch sinh thái của VQG. - Ô nhiễm môi trường và mất đa dạng sinh học, tính toàn vẹn của hệ sinh thái. Việc thiếu quy hoạch, thu gom và xử lý chất gây ô nhiễm môi trường cục bộ cũng là mối đe dọa đối với bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học. - Văn hóa bản địa đang có nguy cơ bị mai một - Dịch bệnh: du khách từ nhiều nơi đến Cát Bà có thể là nguồn lây nhiễm các dịch bệnh cho cộng đồng địa phương.

3.4. Một số giải pháp thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng địa phương vào DLST

- Tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tham gia chủ động thông qua việc công khai, minh

bạch các thông tin về quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển du lịch. Chính quyền địa phương và VQG Cát Bà cần tổ chức các diễn đàn để nhân dân tham gia đóng góp ý kiến các

quy hoạch, kế hoạch phát triển du lịch trên địa bàn. Người dân cần thấy rõ vai trò chủ động của họ trong quá trình ra quyết định và thực hiện các hoạt động phát triển DLST tại VQG Cát Bà.

- Xây dựng cơ chế, chính sách phát triển du lịch phù hợp tạo điều kiện cho sự tham gia của người dân vào hoạt động DLST. Các cơ chế chính sách cần hoàn thiện theo hướng khuyến khích, tạo điều kiện hơn nữa với người dân, các chính sách cần rõ ràng, minh bạch nhằm thúc đẩy, khuyến khích các thành phần kinh tế, xã hội tham gia đầu tư phát triển DLST để vừa thu hút các nguồn vốn đầu tư vừa tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập.

- Nâng cao nhận thức và kỹ năng cho cộng đồng thông qua các buổi tọa đàm, tập huấn các phương thức kinh doanh du lịch mới, hiệu quả tới người dân. Cử các cán bộ, người dân ưu tú tham gia học tập làm du lịch.

- Xây dựng cơ chế chia sẻ lợi ích giữa các chủ thể khi tham gia hoạt động du lịch. Việc khai thác tiềm năng thiên nhiên, đa dạng sinh học và đặc sắc văn hóa tại VQG Cát Bà cần được chia sẻ lợi ích với cộng đồng địa phương để giảm thiểu xung đột về lợi ích giữa các bên và hướng tới phát triển DLST bền vững.

4. KẾT LUẬN

Sự tham gia của người dân địa phương vào các hoạt động DLST tại VQG Cát Bà đa số ở mức tự phát (68,6%), chỉ có một số ít là chủ động. Có 4 loại hình kinh doanh du lịch chính được người dân tham gia tích cực là kinh doanh dịch vụ ăn uống, bán hàng lưu niệm, kinh doanh nhà nghỉ, hướng dẫn viên du lịch. Trong đó, ngành kinh doanh ăn uống đang là loại hình được tham gia nhiều nhất với 37% do đây là một nhu cầu thiết yếu trong du lịch, Cát Bà cũng là nơi có nhiều thuận lợi trong ẩm thực với nhiều loại hải sản ngon, đặc sản.

Đa số người dân có nhận thức rõ ràng về lợi ích của DLST đối với đời sống xã hội và môi trường của cộng đồng. Họ cho rằng thông qua các hoạt động DLST giúp tạo cơ hội việc làm, tăng thu nhập, mở mang kiến thức, tiếp xúc với nhiều người, cải thiện giao thông và các công trình công cộng. Đây là điều kiện thuận lợi để

địa phương cũng như VQG phát triển DLST gắn với cộng đồng.

Người dân có thái độ tích cực đối với việc phát triển DLST tại VQG. Đa số (94,3%) số người được hỏi ủng hộ hoạt động DLST trong VQG. Họ hiểu rằng thông qua các hoạt động DLST sẽ giúp nâng cao chất lượng cuộc sống cộng đồng bảo tồn đa dạng sinh học, giáo dục môi trường sẽ giúp giảm thiểu sự phụ thuộc của người dân vào tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học. Đây là cơ sở quan trọng trong việc phát triển DLST dựa trên cộng đồng gắn với bảo tồn đa dạng sinh học tại VQG Cát Bà.

Nghiên cứu cũng đã đề xuất các giải pháp thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng địa phương vào DLST.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Abeli, S. R. (2017). "Local Communities' Perception of Ecotourism and Attitudes towards Conservation of Lake Natron Ramsar Site, Tanzania." *International Journal of Humanities and Social Science* 7(1): 162-176.
2. Adeleke, B. O. (2015). "Assessment of residents' attitude towards ecotourism in KwaZulu-Natal protected areas." *International Journal of Culture, Tourism and Hospitality Research*, 9(3): 316 - 328.
3. Black, R. and Cobbinah, P., B. (2016). Local attitudes towards tourism and conservation in rural Botswana and Rwanda. *Journal of Ecotourism*. DOI: 10.1080/14724049.2016.1258074.
4. Bộ Nông nghiệp và PTNT (2007). Quyết định số 104/2007/QĐ-BNN, ngày 27/12/2007: ban hành quy chế quản lý các hoạt động du lịch sinh thái tại các VQG, Khu BTTN.
5. Bùi Thị Minh Nguyệt (2012). Giải pháp phát triển du lịch sinh thái bền vững tại VQG Ba Vì. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*, Số 1, Tr: 150-160.
6. Chen B., X., and Qiu Z., M (2017). Community attitudes towards ecotourism development and environmental conservation in nature reserve: a case of Fujian Wuyishan National Nature Reserve, China. *Journal of Mountain Science* 14(7).
7. Đặng Thanh Hiều (2012). Đề án phát triển du lịch sinh thái VQG Cát Bà. VQG Cát Bà, Hải Phòng.
8. Hoàng Văn Cầu (2018). Nghiên cứu đề xuất giải pháp phát triển du lịch bền vững gắn với bảo tồn tài nguyên tại VQG Cát Bà – Hải Phòng. Luận văn thạc sỹ, Trường Đại học Lâm nghiệp.
9. Lê Văn An và Ngô Tùng Đức (2016). Sổ tay hướng dẫn phát triển cộng đồng. Nhà xuất bản Thanh niên, Hà Nội.
10. Nguyễn Anh Dũng (2017). Bàn về nguyên tắc phát triển bền vững của ngành Du lịch Việt Nam. *Tạp chí Tài chính* kỳ 2: 1-5.

11. Nguyễn Minh Nguyệt (2016). Tổng quan nghiên cứu về du lịch sinh thái. Tạp chí VHNT, số 382: Tr. 1-3.
12. Nguyễn Bùi Anh Thư, Trương Thị Thu Hà, Lê Minh Tuấn (2019). Sự tham gia của người dân địa phương trong phát triển du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng tại rừng dừa Bảy Mẫu Cẩm Thanh- Hội An. Tạp chí Khoa học - Đại học Huế khoa học xã hội nhân văn, 128 (6), tr. 53-70.
13. Phạm Trung Lương (2007). Du lịch sinh thái: những vấn đề về lý luận và thực tiễn phát triển ở Việt Nam. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
14. Phạm Văn Phúc (2018). Đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp phát triển du lịch bền vững cho VQG Cát Bà, Hải Phòng. Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Lâm nghiệp.
15. Pretty J (1995). Participatory learning for sustainable agriculture, *World development*, Vol.23(No.8), 1247-1263.
16. Quốc Hội (2017). Luật Du lịch. Ban hành ngày 19/06/2017. Cơ quan ban hành: Quốc Hội.
17. Sekhar, N. U. (2003). Local people's attitudes towards conservation and wildlife tourism around Sariska Tiger Reserve, India. *Journal of Environmental Management*, 69(4), 339-347.
18. Southgate, C. (2006). Ecotourism in Kenya: The vulnerability of communities. *Journal of Ecotourism*, 5(1&2), 80-96.
19. Tosun C (1999). Towards a Typology of Community Participation in the Tourism Development Process, *Anatolia*.

PERCEPTIONS AND ATTITUDES OF LOCAL COMMUNITIES TOWARDS ECOTOURISM DEVELOPMENT IN CATBA NATIONAL PARK

Le Thi Ngan¹, Dong Thanh Hai², Bui The Doi²

¹*Central Propaganda and Training Commission*

²*Vietnam National University of Forestry*

SUMMARY

Cat Ba National Park (NP) in Cat Hai district, Hai Phong province is a beautiful place attracting many domestic and international tourists. Local communities play an important role in sustainable ecotourism development. The objective of this study is to assess the attitudes and perceptions of the community to ecotourism and biodiversity conservation in Cat Ba National Park, as a scientific basis for proposing solutions to develop ecotourism based on community associated with biodiversity conservation in Cat Ba National Park. The method of sociological investigation is used to collect the results related to the research objectives. The results of the study determined that the majority of people participating in ecotourism activities here are at a passive level. The majority of local people (98%) are well aware of the economic and environmental benefits that ecotourism activities bring to households as well as the locality. The majority of people (94.3%) have a positive attitude towards ecotourism development and biodiversity conservation. The study also proposed solutions to promote the participation of local communities in ecotourism, including completing policy mechanisms, raising community awareness and building a mechanism for sharing benefits among participation stakeholders in order to attract the active participation of the local community in ecotourism activities.

Keywords: attitudes, Cat Ba National Park, ecotourism, perceptions.

Ngày nhận bài : 05/7/2021

Ngày phản biện : 03/8/2021

Ngày quyết định đăng : 13/8/2021